



PHỤ LỤC:

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 THÔNG QUA

(Đính kèm Tờ trình số 02/TTr-HĐQT, ngày 23 tháng 2 năm 2026)

Ghi chú:

- Phụ lục này cập nhật các nội dung chính được sửa đổi trong Dự thảo Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để các cổ đông tiện theo dõi, so sánh.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là nội dung **màu đỏ, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các Điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trừ trường hợp các Điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:	
a. “ Cổ đông ” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;	a. “ Cổ đông ” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;	Sửa đổi, cập nhật theo khoản 3 Điểm 4 Luật Doanh nghiệp
b. “ Cổ đông lớn ” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;	b. “ Cổ đông lớn ” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Sửa đổi, cập nhật theo khoản 18 Điểm 4 Luật Chứng khoán
h. “ Luật Doanh nghiệp ” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;	h) “ Luật Doanh nghiệp ” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Cập nhật văn bản pháp luật hiện hành
i. “ Luật Chứng khoán ” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;	i) “ Luật Chứng khoán ” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Cập nhật văn bản pháp luật hiện hành
m. “ Người có liên quan ” là cá nhân hoặc tổ chức được	m. “ Người có liên quan ” là cá nhân hoặc tổ chức được	Sửa đổi, cập nhật

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;	quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	dẫn chiếu văn bản pháp luật hiện hành
p. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các Điều kiện sau:	p. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các Điều kiện sau:	
<u>Không có</u>	(iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;	Bổ sung theo điểm c khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp
(iii) Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;	(iv) Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;	Cập nhật số thứ tự
(iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;	(v) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;	Cập nhật số thứ tự
(v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	(vi) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	Cập nhật số thứ tự
q. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015;	q. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2025;	Cập nhật văn bản pháp luật hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	t. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo khoản 33 Điều 4 Luật doanh nghiệp
Không có	u. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;	Bổ sung theo khoản 4 Điều 4 Luật doanh nghiệp
Không có	v. "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập	Bổ sung theo khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán
Không có	w. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Bổ sung Định nghĩa Sở giao dịch Chứng khoán
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một Điều khoản hoặc văn bản <u>nào</u> sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.	2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một Điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.	Sửa lại cách dùng từ
3. Các tiêu đề được đưa vào <u>chỉ để tiện theo dõi</u> và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.	3. Các tiêu đề được đưa vào để thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.	Sửa lại cách dùng từ
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	
3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Địa chỉ: Số 9 Đinh Lễ, <u>Quận</u> Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Địa chỉ: Số 9 Đinh Lễ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.	Cập nhật lại địa chỉ Công ty theo tên đơn vị hành chính mới

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú									
<p>4. Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ: Phòng 1202 lầu 12 toà nhà IndoChina Park Tower, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu <u>Phường Đakao, Quận 1</u>, Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>4. Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ: Phòng 1202 lầu 12 toà nhà IndoChina Park Tower, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	Cập nhật lại địa chỉ theo tên đơn vị hành chính mới									
<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Khoản 2 Điều 59 Điều lệ này</u>, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Khoản 2 Điều 64 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này</u>, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	Bổ sung theo khoản 5 Điều 2 Điều lệ mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC									
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, <u>bao gồm:</u> 1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <u>Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty đến ngày 31 tháng 07 năm 2020 trừ trường hợp pháp luật và quy định của Nhà nước có Điều chỉnh khác.</u></p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật: 1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp									
<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p>										
<p>1. <u>Lĩnh vực</u> kinh doanh của Công ty là: - <u>Hội chợ triển lãm thương mại;</u> - <u>Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại;</u> - <u>Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);</u> - <u>Du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;</u> - <u>Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm mỹ thuật;</u> - <u>Kinh doanh thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, hàng dệt may; tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);</u></p>	<p>1. <u>Ngành, nghề</u> kinh doanh của Công ty là:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th><th>Tên ngành</th><th>Mã</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh nông sản thực phẩm</td><td>4632</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)</td><td>7410</td></tr> </tbody> </table>	STT	Tên ngành	Mã	1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh nông sản thực phẩm	4632	2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7410	Sửa đổi cho phù hợp Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, cập nhật theo danh mục ngành nghề kinh doanh hiện hành của Công ty
STT	Tên ngành	Mã									
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh nông sản thực phẩm	4632									
2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7410									

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi			Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh bất động sản; - Cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng; - Môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); - Xây dựng nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng; - Dịch vụ in ấn; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có Điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ Điều kiện theo quy định của pháp luật). 	3	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912	
	4	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn và giá đất)	6820	
	5	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử	4652	
	6	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310	
	7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng	6810	
	8	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại	8230	
	9	In ấn Chi tiết: Dịch vụ in ấn	1811	
	10	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm mỹ thuật	4773	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi			Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy văn phòng	4659	
	12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có Điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ Điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299	
	13	Xây dựng nhà để ở	4101	
	14	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	
<u>3. Nếu thay đổi bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty sẽ thực hiện lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</u>	Lược bỏ			Lược bỏ, thẩm quyền thay đổi ngành nghề kinh doanh của công ty là ĐHĐCĐ
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động <u>1.</u> Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ này và thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia , phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục			Bổ sung phù hợp với thực tiễn

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	tiêu của Công ty.	
<u>2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty.</u>	Lược bỏ	Lược bỏ, thẩm quyền thay đổi ngành nghề kinh doanh của công ty là ĐHĐCĐ
CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Sửa đổi cho phù hợp Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 7. Vốn Điều lệ, cổ phần	Điều 7. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
1. Vốn Điều lệ	1. Vốn Điều lệ	
b. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 32.276.440.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) . Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 3.227.644 cổ phần (Ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).	b. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 32.276.440.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) . Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 3.227.644 cổ phần (Ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).	Sửa lại cách dùng từ
Không có	3. Các cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.	Bổ sung nội dung quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại	Sửa đổi, cập nhật theo quy định tại khoản 3 Điều 124

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các Điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các Điều kiện thuận lợi hơn so với những Điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <u>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u>	hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các Điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các Điều kiện thuận lợi hơn so với những Điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	Luật Doanh nghiệp 2020, cập nhật số thứ tự
Điều 8. <u>Cổ phiếu</u>	Điều 8. Chứng nhận cổ đông	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp
1. Cổ đông của Công ty được cấp <u>cổ phiếu</u> tương ứng với <u>số cổ phần sở hữu.</u>	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp
2. <u>Cổ phiếu</u> là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu ghi danh. <u>Cổ phiếu</u> phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	2. Chứng nhận cổ đông là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Công ty chỉ phát hành một loại chứng nhận cổ đông ghi danh. Chứng nhận cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; <u>Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</u> Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc chữ ký của người được ủy quyền và dấu của Công ty; Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu. 	Lược bỏ do còn phù hợp với quy định hiện hành
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra	3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Chứng nhận cổ đông do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.	
a. <u>Cổ phiếu đã bị mất</u> , bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem	a. Thông tin về Chứng nhận cổ đông đã bị mất , bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
trả Công ty để tiêu hủy;	và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;	
b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại <u>cổ phiếu</u> mới.	b. Cam kết về chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận cổ đông mới .	Sửa đổi để phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp
Không có	6. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Chứng nhận cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp
Không có	7. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 122 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông</u> 1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. 2. <u>Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u> a. <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</u> b. <u>Tổng số cổ phần được quyền chào bán;</u> c. <u>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</u>	Lược bỏ	Lược bỏ do không còn quy định hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
3. <u>Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.</u>		
<u>Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác</u>	Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	Cập nhật số thứ tự
<u>Điều 11. Chào bán cổ phần</u>	Điều 10. Chào bán cổ phần	Cập nhật số thứ tự
3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều lệ <u>theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.</u>	3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.	Sửa đổi theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 123 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần</u>	Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần	Cập nhật số thứ tự
1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. <u>Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</u>	1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu Công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa lại nội dung cho phù hợp với quy định đăng ký chứng khoán đối với Công ty đại chúng
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định	Bổ sung các quyền của cổ phần

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	của pháp luật.	
<p><u>Điều 13. Thu hồi cổ phần</u></p> <p><u>1. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những Điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</u></p> <p><u>1. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</u></p> <p><u>2. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</u></p> <p><u>3. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</u></p> <p><u>4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất huy động trả lãi sau kỳ hạn (12) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện</u></p>	Lược bỏ	Lược bỏ do Công ty không còn trong giai đoạn góp vốn thành lập

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>5. <u>Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</u></p>		
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	Cập nhật số thứ tự
Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	Cập nhật số thứ tự
<p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <u>chào bán</u> cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký</u></p>	<p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo</p>	<p>Sửa đổi từ ngữ phù hợp với các quy định hiện hành</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại <u>Điều 14 và Điều 15</u> của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại <u>Điều 14 và Điều 15</u> của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	Cập nhật dẫn chiếu
Điều 17. Phát hành trái phiếu	Điều 15. Phát hành trái phiếu	Cập nhật số thứ tự
Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Cập nhật số thứ tự
<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. <u>Tổng giám đốc</u>; 4. <u>Ban kiểm soát</u>. 	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc. 	Sửa đổi cho phù hợp Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
MỤC 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Cập nhật lại tiêu đề
Điều 19. Quyền của cổ đông	Điều 17. Quyền của cổ đông	Cập nhật số thứ tự
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;	Bổ sung nội dung quy định về hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Bổ sung dẫn chiếu quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông</u> đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa đổi cho phù hợp quy định điểm đ khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp
h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của <u>Pháp luật</u> .	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung dẫn chiếu cụ thể
Không có	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	
Không có	j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	
Không có	k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	Cập nhật số thứ tự
Không có	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối</p>	Bổ sung quy định theo khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10%) tổng số cổ phần <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có các quyền sau:	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Loại bỏ thời hạn 06 tháng do không còn quy định hiện hành, cập nhật số thứ tự
a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại <u>các Khoản 2, Điều 33 và Khoản 4, Điều 41</u> của Điều lệ này;	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 31 và Khoản 4 Điều 39 của Điều lệ này;	Cập nhật dẫn chiếu
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Khoản 4 Điều này</u> ;	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 5 Điều này ;	Cập nhật dẫn chiếu
e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của công ty	e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của công ty	Cập nhật giấy tờ pháp lý hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 3</u> Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	<p>c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu,</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	
5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:	6. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:	Cập nhật số thứ tự
6. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	7. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.	Cập nhật số thứ tự
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	Cập nhật số thứ tự
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết <u>trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	Sửa đổi, bổ sung nội dung cho phù hợp với việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến
Không có	a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Bổ sung nội dung cho phù hợp với việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến
Không có	9. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo quy định Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
		Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp quy định Khoản 2 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên của Pháp luật <u>qui định</u> hoặc ít hơn một nửa số thành viên <u>qui định</u> trong Điều lệ này;	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định tối thiểu của Pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định trong Điều lệ này;	Sửa đổi cho phù hợp với Điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, Điểm b Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 3, Điều 19</u> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4, Điều 17 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của	Cập nhật dẫn chiếu

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
cổ đông yêu cầu (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);	các cổ đông yêu cầu (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);	
e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 49 và Điều 50</u> của Điều lệ này;	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 47 và Điều 48 của Điều lệ này;	Cập nhật dẫn chiếu
4. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:	4. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:	
a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp <u>Cổ đông</u> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Mục 3.d hoặc Mục 3.e trên đây;	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Mục 3.d hoặc Mục 3.e trên đây;	Cập nhật cách sử dụng từ
	g. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung phù hợp với Điểm d khoản 4 Điều 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u>	Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật cách sử dụng từ, cập nhật số thứ tự
Không có	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng	Bổ sung theo khoản 1 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>và phù hợp với Điều 138 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
b. Báo cáo tài chính hàng năm;	b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán ;	Cập nhật cách sử dụng từ
2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:	3. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:	Cập nhật số thứ tự
a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;	a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán ;	Sửa đổi, cập nhật theo quy định Điểm b khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó <u>với Điều kiện là mức cổ tức này không có hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông</u> ;	b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;	Sửa đổi, cập nhật theo quy định hiện hành
d. Lựa chọn <u>Công ty kiểm toán</u> ;	d. Lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết ;	Sửa đổi, cập nhật theo quy định điểm k khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Phù hợp với Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
h. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;	h. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ;	Sửa đổi, cập nhật theo quy định điểm t khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
		116/2020/TT-BTC Phù hợp với Điểm l khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
Không có	j. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.	Bổ sung theo quy định điểm m khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Phù hợp với Điểm b khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
j. Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập theo quy định của Pháp luật;	k. Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập theo quy định của Pháp luật	Cập nhật số thứ tự
k. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty	Bổ sung theo quy định điểm n khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý	m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý	Cập nhật số thứ tự
m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;	n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	o. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;	Bổ sung theo quy định Điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020
Không có	p. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế;	Bổ sung theo quy định Điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020
<u>n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u>	q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Cập nhật số thứ tự
<u>o. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị từ vượt quá 30% giá trị theo kế hoạch;</u>	r. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị từ vượt quá 30% giá trị theo kế hoạch;	Cập nhật số thứ tự
<u>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u>	s. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	Cập nhật số thứ tự
<u>q. Việc Tổng Giám đốc Điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> <u>r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u>	Loại bỏ	Loại bỏ cho phù hợp quy định hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
s. <u>Kết quả định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</u>		
Không có	<p>t. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; <p>Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	Bổ sung theo quy định Điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020
	u. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán	Bổ sung theo quy

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mười một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	định Khoản 3b Điều 167 Luật Doanh nghiệp
t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	v. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	Cập nhật số thứ tự
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:	4. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:	Cập nhật số thứ tự
a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>Khoản 1 Điều 22 Điều lệ</u> này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2, 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch đó;	Cập nhật dẫn chiếu
b. Việc mua cổ phần của Cổ đông hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	b. Việc mua cổ phần của Cổ đông hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	Cập nhật cho phù hợp quy định hiện hành
4. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.	5. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.	Cập nhật số thứ tự
Điều 23. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
2. Việc chỉ định đại diện ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp nhận và	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được	Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Đồng thời:	Thông tư số 116/2020/TT-BTC
3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, <u>lá phiếu bầu</u> của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:	3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, phiếu biểu quyết của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:	Cập nhật cách sử dụng từ
<u>Điều 24. Thay đổi các quyền</u>	<u>Điều 22. Thay đổi các quyền</u>	Cập nhật số thứ tự
1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 65% cổ phần phổ thông</u> tham dự họp thông qua <u>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u>	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ từ 65% tổng cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp <u>như vậy</u> ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) <u>ngày sau đó và bất kỳ một người nào</u> nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và <u>mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó</u></p>	<p>2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại cổ phiếu đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại <u>Điều 26 và Điều 28</u> ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại <u>Mục 1 và 2 nêu trên.</u></p>	<p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại Điều 25 và Điều 27 ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p><u>Điều 25. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><u>Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại <u>Điểm c và Điểm e, Khoản 4, Điều 21 của Điều lệ này</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	
<p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ Điều kiện tham gia</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ Điều kiện tham gia</p>	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>không</u> sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, Số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u>	và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	
Không có	h. Cung cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập tương ứng và thông tin đăng nhập cần thiết để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;	Bổ sung nội dung liên quan đến hình thức tổ chức họp trực tuyến
<u>h.</u> Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	i. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	Cập nhật số thứ tự
3. <u>Mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).	Sửa đổi theo khoản 1 và khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	
<p>a. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</u>. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>b. <u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p>c. <u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <p>(i) <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</u></p> <p>(ii) <u>Phiếu biểu quyết;</u></p> <p>(iii) <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></p>	Loại bỏ	Loại bỏ phù hợp với quy định hiện hành
Không có	a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc	Bổ sung theo quy

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>hợp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>định Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Bổ sung theo quy định Điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 nêu trên trong các trường hợp sau:</p>	<p>6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 5 nêu trên trong các trường hợp sau:</p>	<p>Sửa đổi theo quy định Khoản 3 điều 142 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <u>mười (10%)</u> cổ phần trong thời gian</p>	<p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm (5%) cổ phần theo quy định tại</p>	<p>Sửa đổi theo quy định Theo khoản 5b</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;	Khoản 3, Điều 17 của Điều lệ này;	Điều 18 PL I – TT116/2020
Không có	d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung các trường hợp khác
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 5 Điều này</u> ; Kiến nghị chính thức được bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này ; Kiến nghị chính thức được bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Sửa đổi theo quy định Khoản 4 điều 142 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 26. Các Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</u>	Điều 24. Các Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
<u>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1, khoản 6 Điều 146 Luật doanh nghiệp và theo Khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	<p>và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
<p>2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p>	<p>2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p>	
<p>a. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát Điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát Điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 146 Luật doanh nghiệp</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Điều <u>khien</u> đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Điều <u>hành</u> đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Sửa đổi cách dùng từ
5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. <u>Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.	Bỏ do lặp ý
	6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước	7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
đó không thay đổi;	trước đó không thay đổi;	
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:	8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:	Cập nhật số thứ tự
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:	9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:	Cập nhật số thứ tự
9. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:	10. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:	Cập nhật số thứ tự
10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:	11. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:	Cập nhật số thứ tự
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 10 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 10 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	Cập nhật số thứ tự
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), <u>mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của cuộc họp.</u>	Loại bỏ	Loại bỏ do không phù hợp với hình thức dự họp trực tuyến
Không có	13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông	Bổ sung để phù hợp nội dung liên quan đến hình thức tổ

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán.	chức họp trực tuyến
<u>Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u>	Cập nhật số thứ tự
1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
<u>b. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u> (i) <u>Thay đổi, sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</u> (ii) <u>Định hướng phát triển Công ty.</u> (iii) <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> (iv) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u> (v) <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán.</u> (vi) <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> (vii) <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u>	Loại bỏ	Loại bỏ do bổ sung thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:	2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:	
a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu	a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu	Sửa đổi theo Khoản

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>dự họp</u> tán thành:	được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành hoặc từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	5 Điều 7 Luật doanh nghiệp số 03/2022
b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <u>cổ đông dự họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại <u>Điểm a và Điểm c, Khoản này.</u>	b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành , trừ trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm c, điểm d, điểm e Khoản này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, cập nhật dẫn chiếu
Không có	d. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp
Không có	e. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Bổ sung theo khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</u>	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 của Điều này;	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và tại Khoản 3 của Điều này;	Cập nhật dẫn chiếu
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân</u>	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Cập nhật theo giấy tờ pháp lý mới

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<u>hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u>		
e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;	Bổ sung các diễn đạt
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	Bổ sung theo quy định Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 22 PL I của TT 116/2020
e. Các vấn đề đã được thông qua;	e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	Bổ sung theo quy định Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 22 PL I của TT 116/2020
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;	6. Biên bản kiểm phiếu và ng nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu và ng nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;	Bổ sung theo quy định Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 6 Điều 22 PL I của TT 116/2020
Không có	7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng	Bổ sung theo quy định CBTT bắt

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	thường điểm c khoản 1 điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;	8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;	Cập nhật số thứ tự
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo Khoản 8 Điều 149 và Khoản 4 điều 148 Luật Doanh nghiệp
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật số thứ tự
Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 28. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập <u>bằng tiếng Việt</u> có các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài có các nội dung chủ yếu sau đây:	Bổ sung theo điểm I Khoản 1 Điều 23 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu	g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu	Bổ sung theo điểm g Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
quyết của cổ đông dự họp;	quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết ;	
i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp	Bổ sung theo điểm i Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <u>và phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</u> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết , biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Bổ sung quy định về công bố thông tin và lược bỏ nội dung không phù hợp
Không có	5. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh	Bổ sung theo quy định Khoản 4, Khoản 6 điều 150 Luật Doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	
<u>Điều 31.</u> Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<u>Điều 29.</u> Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 32</u> dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 30</u> dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Cập nhật dẫn chiếu
<u>Điều 32.</u> Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<u>Điều 30.</u> Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật số thứ tự
1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 3 Điều 19</u> của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> , <u>Khoản 3 Điều 17</u> của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Cập nhật dẫn chiếu
a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2, Điều 31</u> của Điều lệ này.	a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2, Điều 29</u> của Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu
MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Cập nhật đề mục

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:	Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:	Cập nhật số thứ tự
g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);	g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);	Bổ sung theo quy định điểm đ Khoản 1 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Loại bỏ do không còn quy định hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>
Không có	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung dẫn chiếu
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có <u>tối thiểu là năm (05) thành viên, tối đa là mười một (11) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> Cơ cấu Hội đồng quản trị phải cân đối giữa các thành viên Điều hành và các thành viên không Điều hành, <u>tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không Điều hành.</u> <u>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p>	<p>Sửa đổi, nêu rõ số lượng thành viên HĐQT của công ty</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:	3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:	
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị <u>cấm</u> quản lý doanh nghiệp theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u> ;	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;	Cập nhật dẫn chiếu
b. Là: (1) Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (2) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông pháp nhân sở hữu năm (05%) tổng số cổ phần <u>hoặc</u> (3) <u>Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty</u> ;	b. Là: (1) Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (2) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông pháp nhân sở hữu năm (05%) tổng số cổ phần	Sửa đổi theo quy định điểm b khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp
Không có	c. Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và phải là cổ đông của Công ty ;	Bổ sung theo quy định điểm b khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp
c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác nhưng không cùng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện; <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác kể từ ngày 1/8/2019.</u>	d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác nhưng không cùng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện; Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác	Cập nhật số thứ tự, sửa đổi theo quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
d. Bản thân thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của bản thân (Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) không tham gia góp vốn, góp cổ phần chi phối vào các công ty, doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành	e. Bản thân thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của bản thân (Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) không tham gia góp vốn, góp cổ phần chi phối vào các công ty, doanh nghiệp kinh doanh	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
ngành chính của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện.	cùng ngành nghề chính của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện.	
<u>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngày tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u>	Loại bỏ	Loại bỏ do không còn phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp 2020
<u>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Cập nhật số thứ tự
<u>Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u>	<u>Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u>	Cập nhật số thứ tự
1. Hội đồng quản trị là cơ quan Điều hành Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan Điều hành Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi cách diễn đạt nhằm làm rõ nghĩa nội dung
3. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có	3. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
các quyền và nghĩa vụ sau đây:	các quyền và nghĩa vụ sau đây:	
i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>nhỏ hơn hoặc bằng</u> ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng và giao dịch <u>quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 50 của Điều lệ này;</u>	i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ</u> ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản <u>trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	Cập nhật dẫn chiếu
j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thưởng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thù lao , thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Sửa đổi theo Điểm i khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty , quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Bổ sung theo quy định Điểm l khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
<u>m. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</u>	m. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty.	Sửa đổi theo điểm q khoản 2 Điều 27 PL I tại TT116/2020
Không có	r. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1	Bổ sung phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 130 Luật Doanh

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất	ngành
r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;	s. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;	Cập nhật số thứ tự
s. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành Doanh nghiệp;	t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành Doanh nghiệp;	Cập nhật số thứ tự
t. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	u. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Cập nhật số thứ tự
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	
a. Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 nêu trên</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 4, Điều 50</u> của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);	a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 3 Điều này và trừ trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 48 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);	Cập nhật dẫn chiếu
Không có	f. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;	Bổ sung quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với khoản 2
Không có	g. Thành lập các công ty con của Công ty;	
Không có	h. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	Điều 153 Luật doanh nghiệp
Không có	i. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	
Không có	j. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;	
Không có	k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty	
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người Điều hành Doanh nghiệp trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người Điều hành Doanh nghiệp trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Sửa đổi cách diễn đạt, bổ sung dẫn chiếu
6. Trừ khi pháp luật quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Điều hành Doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	6. Trừ khi pháp luật quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Điều hành Doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 27 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC
Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật số thứ tự
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình,	5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình,	Sửa đổi cho phù hợp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. <u>Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</u>	Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	với quy định hiện hành
Không có	6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
Không có	7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Bổ sung theo khoản 6 Điều 28 Phụ lục I ban hành kèm theo TT116/2020/TT-BTC
<u>Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	<u>Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	Cập nhật số thứ tự
1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch	Sửa đổi theo quy định Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<u>Tổng giám đốc của Công ty đến ngày 31 tháng 07 năm 2020 trừ trường hợp pháp luật và quy định của Nhà nước có Điều chỉnh khác.</u>	Hội đồng quản trị.	ngành
Không có	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Cập nhật số thứ tự
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; <u>Triệu tập, và chủ tọa</u> cuộc họp Hội đồng quản trị;	b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
c. Tổ chức việc thông qua <u>nghị quyết</u> , của Hội đồng quản trị;	c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
Không có	g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <u>Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</u>	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận	Cập nhật số thứ tự, Sửa đổi theo khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn <u>mười (10) ngày</u> .	6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Cập nhật số thứ tự, Bổ sung theo Khoản 4 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020
<u>Điều 38.</u> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Cập nhật số thứ tự
Không có	5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Cập nhật số thứ tự
6. Trường hợp có yêu cầu của <u>kiểm toán viên độc lập</u> , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	7. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và	Cập nhật số thứ tự, sửa đổi theo quy định hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	tình hình Công ty.	
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu <u>bầu</u> cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.	8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.	Cập nhật số thứ tự, sửa đổi cách diễn đạt
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	Cập nhật số thứ tự
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	10. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Cập nhật số thứ tự
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	11. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Cập nhật số thứ tự
11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	12. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	Cập nhật số thứ tự
b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại	b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p><u>Khoản 12</u> Điều này;</p> <p>...</p> <p>Không có</p>	<p>tại Khoản 13 Điều này;</p> <p>...</p> <p>d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 9 điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>12. Thành viên hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>13. Thành viên hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự, Bổ sung theo Khoản 10 điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>13. Biểu quyết.</p> <p>....</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Khoản 4, Điều 45</u> của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>14. Biểu quyết.</p> <p>....</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Điều 48 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>
<p>14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích</p>	<p>15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	
15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định	16. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	Cập nhật số thứ tự
16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	Cập nhật số thứ tự
17. Biên bản số thứ tự thứ lấy	18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Cập nhật số thứ tự
h. Các vấn đề đã được thông qua;	h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	Sửa đổi theo điểm h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp
i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.	i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm j khoản 18 Điều này.	
	j. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h và i khoản 18 Điều này	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	
18. Ch.sung theo Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 hi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở Công ty.	19. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở Công ty.	Cập nhật số thứ tự
19. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở Công ty.	20. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	
20. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u>	21. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Sửa đổi theo Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật số thứ tự
1. <u>Khi Công ty được niêm yết, Hội đồng quản trị</u> chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 281 nghị định 155/2020
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	
Không có	i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Bổ sung theo Điểm h Khoản 3 Điều 281 nghị định 155/2020/NĐ-CP
i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Cập nhật số thứ tự
Mục 3. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT	Cập nhật tên đề mục
Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi lại để phù hợp với quy định của Pháp luật
Điều 41. Kiểm soát viên	Điều 39. Kiểm soát viên	Cập nhật số thứ tự
1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn năm (05) người.	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Toàn bộ Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam.	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp</u> , Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp , Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Cập nhật dẫn chiếu
4. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	3. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	
4. Các cổ đông nắm giữ <u>cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	4. Các cổ đông nắm giữ từ mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Sửa đổi cho phù hợp quy định hiện hành
7. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:	7. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:	
a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;	a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;	Bổ sung theo Điểm a khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp
b. Không phải là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty;	b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty;	Bổ sung theo Điểm c khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp
Không có	d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Bổ sung theo Điểm b khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp
8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:	8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:	

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
e. Người đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	e. Người đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
Không có	f. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
Không có	g. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
Không có	h. Người đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
<u>Điều 42. Ban kiểm soát</u>	<u>Điều 40. Ban kiểm soát</u>	Cập nhật số thứ tự
1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	
c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 170 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	hội đồng cổ đông.	
e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này.	e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 17 của Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu
f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 17 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	Cập nhật dẫn chiếu
Không có	r. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 288 ND 155/2020/NĐ-CP ~ Khoản 6 Điều 39 PL I ban hành kèm theo TT 116/2020
Không có	s. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 288 ND 155/2020/NĐ-CP ~ Khoản 7 Điều 39 PL I ban hành kèm theo TT 116/2020
r. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của	t. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.	của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 171 Luật doanh nghiệp
<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Bổ sung theo Khoản 1 và khoản 2 Điều 289 NBĐ 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
4. Mức thù lao, tiền lương của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	Lược bỏ	Lược bỏ do trùng lặp ý
Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	Cập nhật số thứ tự
Điều 44. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên	Điều 42. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	Cập nhật số thứ tự, sửa đổi cách dùng từ
MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	Cập nhật đề mục
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý	Cập nhật số thứ tự
Điều 46. Người Điều hành doanh nghiệp	Điều 44. Người Điều hành doanh nghiệp	Cập nhật số thứ tự
3. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi Phù hợp với khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
Điều 47. Tổng giám đốc	Điều 45. Tổng giám đốc	Cập nhật số thứ tự
Không có	2. Tổng giám đốc là người Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 48. Thư ký Công ty 1. Hội đồng quản trị <u>chỉ định</u> một (01) người hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Điều 46. Thư ký Công ty 1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) người hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Cập nhật số thứ tự Bổ sung theo khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp
MỤC 5: NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG IX: NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	Cập nhật đề mục
Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng	Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng	Cập nhật số thứ tự
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp <u>không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u>	Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ <u>thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<u>gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u>	của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <u>người Điều hành khác</u> và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	Sửa lại cách dùng từ cho phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
Không có	4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin	Bổ sung theo khoản 3 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP
Không có	5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy	Bổ sung theo khoản 4 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	
Không có	6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Bổ sung theo khoản 5 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP
Không có	7. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	Bổ sung theo khoản 83 Điều 1 nghị định 245/2025/NĐ-CP
4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:	8. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:	Cập nhật số thứ tự
<p>a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: Công ty giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <p>(i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>(ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của họ;</p> <p>(iii) Doanh nghiệp liên quan Thành viên Hội đồng</p>	<p>a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: Công ty giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <p>(i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>(ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,</p>	Sửa đổi phù hợp quy định điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp mà <u>những người này sở hữu</u> phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của những người này <u>cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng</u> phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ; <p>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết <u>còn lại</u> tán thành.</p>	<p>Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của họ;</p> <p>(iii) Doanh nghiệp liên quan Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Điều hành doanh nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp mà những người này làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của những người này làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ; <p>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết còn lại tán thành.</p>	
<p>b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch tại điểm a <u>khoản 4 Điều này</u> có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện</p>	<p>b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch tại điểm a khoản 7 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c Khoản 4 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	9. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c Khoản 7 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Cập nhật dẫn chiếu, số thứ tự
<u>Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u>	<u>Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u>	Cập nhật số thứ tự
<u>Mục 6. QUYỀN ĐIỀU TRA TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	<u>CHƯƠNG X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	Cập nhật đề mục
<u>Điều 52. Quyền Điều tra sổ sách và hồ sơ</u>	<u>Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</u>	Cập nhật số thứ tự
Không có	1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điểm đ, e khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
<u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3, Điều</u>	<u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều</u>	Cập nhật số thứ tự,

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
<p>18 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.</u> Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>17 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Bổ sung theo Điểm a khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>
<p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p>4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự</p>

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 53. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Điều 51. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một (01%) số cổ phần phổ thông <u>liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng</u> có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;</p> <p>...</p>	<p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một (01%) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>...</p>	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp
<p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p>	<p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>	Bổ sung theo Điểm a khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp
MỤC 7. NGƯỜI LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI KHÁC	CHƯƠNG XI. NGƯỜI LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI KHÁC	Cập nhật đề mục
Điều 54. Người Lao động	Điều 52. Người Lao động	Cập nhật số thứ tự
<p>1. Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua chính sách tuyển dụng, buộc thôi việc và tiền lương đối với Cán bộ quản lý và người lao động.</p>	<p>1. Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua chính sách tuyển dụng, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ</p>	Bổ sung nội dung chính sách Tổng giám đốc thông qua

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
	luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động.	
Điều 55. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội - chính trị khác	Điều 53. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội - chính trị khác	Cập nhật số thứ tự
	3. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 50 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG V: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG XI: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Cập nhật đề mục
Điều 56. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ	Điều 54. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ	Cập nhật số thứ tự
Điều 57. Chi trả cổ tức	Điều 55. Chi trả cổ tức	Cập nhật số thứ tự
3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. <u>Việc chi trả</u> có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng (Bên nhận cổ tức chịu chi phí chuyển tiền).	3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả đối với cổ phiếu chưa lưu ký có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng (Bên nhận cổ tức chịu chi phí chuyển tiền). Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã lưu ký được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	Bổ sung nội dung về chi trả cổ tức phù hợp với quy định hiện hành

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Không có	4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 51 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 51 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:	6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:	Cập nhật số thứ tự
b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân;	b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân;	Cập nhật giấy tờ pháp lý hiện hành
c. Tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính</u> của cổ đông là tổ chức;	c. Tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;	Cập nhật giấy tờ pháp lý hiện hành
<u>CHƯƠNG VI: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	<u>CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	Cập nhật đề mục

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
Điều 58. Tài khoản ngân hàng	Điều 56. Tài khoản ngân hàng	Cập nhật số thứ tự
Điều 59. Năm tài chính	Điều 57. Năm tài chính	Cập nhật số thứ tự
Điều 1. Chế độ kế toán	Điều 58. Chế độ kế toán	Cập nhật số thứ tự
1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	Sửa đổi theo Điều 54 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
2. Công ty lập sổ sách kế toán theo quy định Pháp luật kế toán. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng Tiếng Việt theo quy định Pháp luật kế toán. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (<u>hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận</u>) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	
CHƯƠNG VII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	Cập nhật đề mục
Điều 61. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Cập nhật số thứ tự
1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này, báo tài chính	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này, báo tài chính	Cập nhật dẫn chiếu, bổ sung quy định CBTT

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
phải được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.	năm đã được kiểm toán phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.	
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (<u>trong trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u>) và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.	Cập nhật quy định hiện hành
Điều 62. Báo cáo thường niên	Điều 60. Báo cáo thường niên	Cập nhật số thứ tự
Điều 63. Tổ chức công bố thông tin	Điều 61. Tổ chức công bố thông tin	Cập nhật số thứ tự
2. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.	2. Hội đồng quản trị công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.	Sửa đổi từ ngữ phù hợp với thực trạng doanh nghiệp
3. Công ty bổ nhiệm có ít nhất một <u>nhân viên</u> công bố thông tin. <u>Nhân viên</u> công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:	3. Công ty bổ nhiệm có ít nhất một người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:	
Không có	4. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật.	Bổ sung nội dung quy định hiện hành
CHƯƠNG VIII: KIỂM TOÁN CÔNG TY	CHƯƠNG XIV: KIỂM TOÁN CÔNG TY	Cập nhật đề mục
Điều 64. Kiểm toán	Điều 62. Kiểm toán	Cập nhật số thứ tự
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>thông qua</u> danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều khoản và Điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều khoản và Điều kiện thoả thuận	Sửa đổi theo quy định điểm m khoản 2 Điều 138 Luật doanh nghiệp

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	
<u>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	Loại bỏ	Lược bỏ do không phù hợp
<u>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u>	2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	Cập nhật số thứ tự
<u>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</u>	3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	Cập nhật số thứ tự
<u>CHƯƠNG IX: CON DẤU</u>	<u>CHƯƠNG XV: CON DẤU</u>	Cập nhật đề mục
<u>Điều 65. Con dấu</u>	<u>Điều 63. Con dấu</u>	Cập nhật số thứ tự
	3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 58 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>CHƯƠNG X: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	<u>CHƯƠNG XVI: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	Cập nhật đề mục
<u>Điều 66. Chấm dứt hoạt động</u>	<u>Điều 64. Chấm dứt hoạt động</u>	Cập nhật số thứ tự

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	
Không có	d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.	Bổ sung theo điểm c khoản 1 Điều 59 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	Điều 65. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 2 Điều lệ này
Điều 67. Thanh lý	Điều 66. Thanh lý	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG XI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	CHƯƠNG XVII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	Cập nhật đề mục
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG XII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XVIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	Cập nhật đề mục
Điều 2. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Cập nhật số thứ tự
CHƯƠNG XIII: HIỆU LỰC	CHƯƠNG XIX: HIỆU LỰC	Cập nhật đề mục
Điều 70. Ngày hiệu lực	Điều 69. Ngày hiệu lực	Cập nhật số thứ tự
1. Bản Điều lệ này gồm <u>mười ba (13) chương, bảy mươi Điều (70)</u> Điều được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1. Bản Điều lệ này gồm <u>mười chín (19) chương, sáu mươi chín (69) Điều</u> được Nghị quyết Đại hội đồng cổ	Cập nhật thời gian thông qua điều lệ

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do/Diễn giải/Ghi chú
thường niên năm 2024 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc sửa đổi theo Nghị quyết HĐQT số 14 /HĐQT-NQ ngày 19/05/2025 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	đồng thường niên năm 2026 số /NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../..... thông qua việc sửa đổi và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	
Một số Điều chỉnh chi tiết khác về thứ tự các Điều, Khoản; cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung chính của các Điều, khoản.		